

Số: 25/2020/QĐST-DS

Ứng Hoà, ngày 11 tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải T ngày 03 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải T về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải T, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng A (viết tắt là: Ngân hàng A).

Trụ sở: Số 2, LH, quận BD, T phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lã Anh T1 – Chức vụ: Trưởng phòng A C nhánh UH. (Theo giấy ủy quyền số 2965/QĐ-NHNN-PC của Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng Angày 27/12/2019 và Giấy ủy quyền ngày 19/5/2020 của Ngân hàng AC nhánh huyện UH).

*** Bị đơn đồng thời là người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Đỗ Thị NA, sinh năm 1967;

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1965;

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội.

*** Những người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Nguyễn TL, sinh năm 1988;

- Chị Nguyễn Linh C, sinh năm 1994;

Đều có nơi ĐKKHKT: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội.

(Ông L, anh Luân và chị C đều có giấy ủy quyền cho bà Anh tham gia tố tụng tại Tòa án).

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bị đơn vợ chồng bà Đỗ Thị NA ông Nguyễn Văn L (*gọi tắt là vợ chồng Anh L*) xác nhận có vay vốn Ngân hàng A thông qua việc ký kết 03 Hợp đồng tín dụng:

- Hợp đồng tín dụng số 2207-LAV-200901725 ngày 15/5/2009, số tiền vay: 250.000.000 đồng; mục đích vay: xây dựng nhà ở, theo đó, cùng ngày vợ chồng Anh L đã nhận giải ngân khoản tiền 250.000.000 đồng từ ngân hàng;

- Hợp đồng tín dụng số 2207 – LAV – 201001610 ngày 28/10/2010, số tiền vay 500.000.000 đồng, mục đích vay: mua xe ô tô du lịch, theo đó cùng ngày vợ chồng Anh L đã nhận giải ngân khoản tiền 500.000.000 đồng từ ngân hàng;

- Hợp đồng tín dụng số 2207- LAV – 201100181 ngày 26/3/2012, số tiền vay 1.500.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh vật liệu xây dựng, theo đó vợ chồng Anh L đã nhận nợ giải ngân từ ngân hàng tổng số tiền 1.500.000.000 đồng nêu trên theo 08 khế ước nhận nợ ngày 12/4/2012, ngày 24/4/2012, ngày 26/4/2012, ngày 21/6/2012, ngày 27/6/2012, ngày 12/7/2012, ngày 19/7/2012 và ngày 31/7/2012. Ngoài ra, trong các Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ còn có các thỏa thuận về lãi suất, thời hạn vay, ... và các thỏa thuận khác. Vợ chồng Anh L xác nhận hiện còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền (*lãi tạm tính đến hết ngày 30/6/2020*), cụ thể như sau:

- Nợ gốc là : 1.449.400.000 đồng,
- Nợ lãi trong hạn : 1.532.470.200 đồng;
- Nợ lãi quá hạn : 371.262.030 đồng.

Tổng cộng : 3.353.132.230 đồng (Ba tỷ ba trăm năm mươi ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm ba mươi đồng).

2.2 Các bên thoả thuận về thời hạn, ph- ơng thức thanh toán nh- sau:

- Chậm nhất đến hết ngày 25/8/2020 vợ chồng Anh L phải thanh toán cho Ngân hàng A tổng số tiền 2.100.000.000 đồng (*Hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn*), trong đó: nợ gốc: 1.449.400.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 650.600.000 đồng (*tiền lãi tạm tính đến ngày 30/6/2020*). Toàn bộ số tiền nợ lãi còn lại là 1.253.132.230 đồng (trong đó lãi trong hạn còn lại là 881.870.200 đồng, tiền nợ lãi quá hạn là 371.262.030 đồng) tính đến ngày 30/6/2020 và tiền nợ lãi phát sinh kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc, Ngân hàng A đồng ý miễn hết cho vợ chồng Anh L.

- Ngay sau khi vợ chồng Anh L thanh toán đủ số tiền 2.100.000.000 đồng (*hai tỷ một trăm triệu đồng chẵn*) cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có trách nhiệm làm thủ tục giải chấp các tài sản thế chấp cho vợ chồng Anh L, cụ thể: (***tài sản thế chấp 01***) Quyền sử dụng thửa đất số 637, tờ bản đồ số 10, diện tích là 284 m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội,

GCNQSD đất số T 364066; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 01799.QSDĐ do Chủ tịch UBND huyện UH cấp ngày 11/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn L; **(tài sản thế chấp 02)** Quyền sử dụng thửa đất số 616, tờ bản đồ số 10, diện tích là 96,7 m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội, GCNQSD đất số T 364098; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 0701.QSDĐ do Chủ tịch UBND huyện UH cấp ngày 11/02/2004 cho hộ bà Đỗ Thị NA; cả hai tài sản thế chấp số 01 và 02 nêu trên đều theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực tại UBND xã LB ngày 19/10/2010, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/10/2010; **(tài sản thế chấp 03)** Quyền sử dụng thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, diện tích là 47,7 m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội, GCNQSD đất số AL 355866; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: H 1161 do UBND huyện UH cấp ngày 31/12/2007 cho ông Nguyễn Văn L bà Đỗ Thị NA.

- Trường hợp vợ chồng Anh L không thanh toán trả nợ cho Ngân hàng theo đúng thỏa thuận nêu trên (về thời gian trả, số tiền trả, ...) thì vợ chồng Anh L phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn tính đến ngày 30/6/2020 nêu trên là **3.353.132.230 đồng** (*Ba tỷ ba trăm năm mươi ba triệu một trăm ba mươi hai nghìn hai trăm ba mươi đồng*) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2207-LAV-200901725 ngày 15/5/2009, Hợp đồng tín dụng số 2207 – LAV – 201001610 ngày 28/10/2010, Hợp đồng tín dụng số 2207- LAV – 201100181 ngày 26/3/2012 và 08 khế ước nhận nợ ngày 12/4/2012, ngày 24/4/2012, ngày 26/4/2012, ngày 21/6/2012, ngày 27/6/2012, ngày 12/7/2012, ngày 19/7/2012 và ngày 31/7/2012 (*Có sự điều chỉnh tăng, giảm theo từng thời kỳ của Ngân hàng*) đã ký kết kể từ ngày 01/7/2020 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc cho Ngân hàng tương ứng với thời gian chậm trả.

Nếu vợ chồng Anh L không thực hiện theo đúng thỏa thuận thanh toán nêu trên (*về thời gian và số tiền trả*) thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu C cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý các tài sản thế chấp để bảo đảm thu hồi toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp, cụ thể: **(tài sản thế chấp 01)** Quyền sử dụng thửa đất số 637, tờ bản đồ số 10, diện tích là 284 m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội, GCNQSD đất số T 364066; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 01799.QSDĐ do Chủ tịch UBND huyện UH cấp ngày 11/5/2004 cho hộ ông Nguyễn Văn L; **(tài sản thế chấp 02)** Quyền sử dụng thửa đất số 616, tờ bản đồ số 10, diện tích là 96,7 m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội, GCNQSD đất số T 364098; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: 0701.QSDĐ

do Chủ tịch UBND huyện UH cấp ngày 11/02/2004 cho hộ bà Đỗ Thị NA; cả hai tài sản thế chấp số 01 và 02 nêu trên đều theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực tại UBND xã LB ngày 19/10/2010, đã đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 21/10/2010; (***tài sản thế chấp 03***) Quyền sử dụng thửa đất số 615, tờ bản đồ số 10, diện tích là 47,7 m² và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ: thôn LX, xã LB, huyện UH, T phố Hà Nội, GCNQSD đất số AL 355866; số vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ số: H 1161 do UBND huyện UH cấp ngày 31/12/2007 cho ông Nguyễn Văn L bà Đỗ Thị NA.

Tr-ờng hợp số tiền sau khi phát mại tài sản không đủ trả nợ thì vợ chồng Anh L có nghĩa vụ tiếp tục trả Ngân hàng cho đến khi thanh toán hết toàn bộ khoản nợ; Ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý bất kỳ tài sản nào thuộc quyền sở hữu, sử dụng của vợ chồng Anh L để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật. Nếu phát mại tài sản thế chấp giá trị lớn hơn khoản nợ thì số tiền chênh lệch phải trả lại cho chủ sở hữu tài sản.

2.3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thương vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án: Nguyên đơn, bị đơn mỗi bên phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 75.000 đồng; Chấp nhận sự tự nguyện của Bị đơn nộp cả 150.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm;

Hoàn trả cho Ngân hàng A52.032.000 đồng (*Năm mươi hai triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng*) số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009704 ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại C cục thi hành án dân sự huyện □ng Hoà.

3. Tr-ờng hợp quyết định đ-ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng-ời đ-ợc thi hành án dân sự, ng-ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c-ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đ-ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhân:

- TANDTP Hà Nội;
- VKSND huyện □ng Hoà;
- C cục T.H.A DS huyện □ng Hoà;
- Các đ-ơng sự;
- L- u hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

